TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 169/2024/QĐST-HNGĐ	*Ba Đình, ngày 19 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào các Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 157/2024/TLST-VHNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về yêu cầu "Công nhận thuận tình ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

- Anh **TĐV** , sinh năm 19xx; Căn cước công dân số: 040081000xxx cấp ngày 164/2021 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

- Chị **VTH** , sinh năm 19xx; Căn cước công dân số: 030186009xx cấp ngày 16/4/2021 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Cùng ĐKHKTT và nơi ở: Phòng xx, G2b Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15 tháng 3 năm 2024 tại Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội của người yêu cầu là tự nguyện.

[2] Quan hệ hôn nhân của anh TĐV và chị VTH là hợp pháp có Giấy chứng nhận kết hôn số xx quyển I/2010 ngày 06 tháng 4 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

[3] Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Anh TĐV và chị VTH thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là TBN, sinh ngày 25/7/20xx. Ly hôn, thống nhất giao con chung cho chị Huệ là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác, anh Vinh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/con/1tháng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật; Kể từ tháng 4 năm 2024.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Hai bên xác nhận vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

- Về các khoản vay nợ: Hai bên xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh TĐV tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005021 ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Hà Cẩm Hà

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.